

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Mai Ngọc H** - sinh năm: 1979. Địa chỉ: P, khu A chung cư V, đường V, phường N, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng).

- *Bị đơn*: Ông **Đặng Văn H1** - sinh năm: 1975. Địa chỉ: C A, phường A, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà **Bùi Thị V**, sinh năm: 1988; Cư trú tại: Số E đường D, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng).

Căn cứ Điều 212, 213; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Mai Ngọc H và ông Đặng Văn H1 (Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Ngọc H và ông Đặng Văn H1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 179 do UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/12/2006 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Mai Ngọc H và ông Đặng Văn H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà H và ông H1 xác định vợ chồng có 02 con chung Đặng Mai Phương T, sinh ngày 02/04/2007 và Đặng Khôi N, sinh ngày 04/8/2009. Ly hôn bà H và ông H1 thống nhất:

Giao con chung là: Đặng Khôi N, sinh ngày 04/8/2009 cho bà Mai Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đặng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Đặng Mai Phương T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ngày 15/7/2025, bà H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Mai Ngọc H đối với Đặng Văn H1.

- *Về nợ chung*: Bà H2 và ông H1 xác định không có.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá: 35.000.000 đồng. Bà H tự nguyện chịu. (*Đã nộp, đã chi*).

- *Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngày 15/7/2025 bà Bùi Thị V có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Do đó đình chỉ yêu cầu bồi thường của bà Bùi Thị V đối với bà Mai Ngọc H và ông Đặng Văn H1.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Mai Ngọc H và ông Đặng Văn H1 mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng bà H tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng biên lai thu số 0003138 ngày 09/12/2024. Hoàn trả lại cho bà Mai Ngọc H số tiền 24.900.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu số 0003138 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị V số tiền 2.293.875 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007851 ngày 18/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung